

# Một số vấn đề về đào tạo đại học theo hình thức vừa làm vừa học tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân hiện nay

Nguyễn Văn Hoàng\*

Ngày nhận: 01/02/2015

Ngày nhận bản sửa: 19/02/2015

Ngày duyệt đăng: 25/02/2015

## Tóm tắt:

*Từ thực trạng biến động số lượng sinh viên trong quá trình đào tạo, sự không đồng đều về phân loại tốt nghiệp của các hệ đào tạo, ngành đào tạo đại học vừa làm vừa học, bài viết chỉ ra những bất cập trong đào tạo hình thức này hiện nay. Trên cơ sở đó đã khuyến nghị về đổi mới khung chương trình đào tạo; đổi mới công tác tổ chức thi và ra đề thi theo hướng trắc nghiệm khách quan; nâng cao chất lượng thi tuyển sinh đầu vào đối với hệ đại học vừa làm vừa học nhằm cải thiện tình trạng đào tạo hình thức này những năm tới.*

**Từ khóa:** Đào tạo, vừa làm vừa học, Đại học Kinh tế quốc dân

## Some issues of the in-service training programs at the National Economics University

### Abstract:

*Based on examining the fact of the fluctuating number of students during the training progress, the non-uniformity in the graduation classification of the in-service training programs, this paper indicates some problems associated with this kind of training program. And then, some recommendations about changing the program curriculum, changing the process of examination organizing and testing using the multiple-choice questions and upgrading the quality of admissions for the in-service training programs are provided in order to improve the quality of this training programs in the coming years.*

*Key words:* training, in-service training programs. NEU

## 1. Đặt vấn đề

Đào tạo Đại học vừa làm vừa học là một trong những lĩnh vực đào tạo quan trọng của các trường nói chung, của trường Đại học Kinh tế quốc dân nói riêng. Lĩnh vực đào tạo Đại học vừa làm vừa học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã có truyền thống phát triển được gần 55 năm. Lĩnh vực đào tạo này đã tạo ra cơ hội học tập cho những người không thể học đại học chính quy, những người bỏ học giữa chừng vì lý do nào đó, đào tạo đại học vừa làm vừa học giúp nối lại sự gián đoạn trong quá trình học tập của họ, làm cho việc học tập lại được thực hiện tiếp tục, liền mạch. Hơn nữa đào tạo đại học vừa làm vừa học còn giúp cho những người đã tốt nghiệp đại học đang trong quá trình làm việc bổ sung những kiến thức còn thiếu hụt, do làm việc không đúng ngành

đào tạo trước đó có cơ hội học tập để bổ sung những kỹ năng cần thiết trong quá trình lao động và giao lưu xã hội. Đây là một trong những lĩnh vực đào tạo mang lại cơ hội học tập mà qua đó con người làm cho vốn kinh nghiệm của mình đầy đủ hơn, năng lực hoạt động được nâng cao, những phẩm chất nhân cách được phát triển hài hoà, hoàn chỉnh hơn và làm tiền đề để xây dựng xã hội học tập.

Hiện nay, lĩnh vực đào tạo đại học vừa làm vừa học của trường Trường Đại học Kinh tế Quốc dân bao gồm rất nhiều hệ đào tạo cấp bằng theo hình thức vừa làm vừa học cho nhiều đối tượng khác nhau như: Hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học (thời gian đào tạo 4,5 năm); Hệ đại học văn bằng thứ 2 (thời gian đào tạo 2,5 năm); Hệ đại học liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học

(thời gian đào tạo từ 2 đến 3 năm). Trong những năm gần đây, lĩnh vực đào tạo này đang có chiều hướng suy giảm về quy mô số lượng tuyển sinh đầu vào, địa bàn bị co hẹp. Số lượng sinh viên bỏ học trong quá trình đào tạo tương đối lớn tập trung vào những hệ đào tạo truyền thống như đại học dài hạn vừa làm vừa học, đại học văn bằng thứ 2, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại trung bình khá trở lên không đồng đều, chỉ tập trung vào một số ngành và một số hệ đào tạo có tổng thời gian đào tạo ngắn hơn so với hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học.

## 2. Tình hình biến động về số lượng và kết quả học tập của sinh viên vừa làm vừa học

Số liệu thống kê giai đoạn 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014 cho thấy tỷ lệ sinh viên cuối khóa so với số sinh viên trúng tuyển tương đối thấp, đặc biệt là 2 hệ đào tạo truyền thống là hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học và hệ đại học văn bằng 2 chỉ đạt 62% và 66%. Sự sụt giảm về số lượng sinh viên trong quá trình đào tạo trong những năm qua là rất lớn, tập trung chủ yếu vào 2 hệ đào tạo có tổng số sinh viên lớn nhất làm ảnh hưởng đến hiệu quả đào tạo của nhà trường trong những năm qua (cụ thể tại Bảng 1). Nếu lấy số lượng sinh viên tốt nghiệp lần đầu so với số sinh viên trúng tuyển càng thấy rõ hơn nữa sự sụt giảm về số lượng, như đối với hệ dài hạn vừa làm vừa học chỉ đạt 54% và hệ đại học văn bằng 2 là 60%.

Tuy nhiên, đối với các hệ đào tạo liên thông thì tỷ lệ sinh viên bỏ học là tương đối thấp, khoảng 8% đối với hệ đại học liên thông từ trình độ trung cấp và 14% đối với hệ đại học liên thông từ trình độ cao đẳng. Điều này cho thấy, tổng thời gian đào tạo ngắn hay dài có ảnh hưởng rất lớn đến sự sụt giảm về số lượng sinh viên trong quá trình đào tạo. Nếu tổng

thời gian đào tạo quá dài có thể ảnh hưởng đến khả năng chi trả, cơ hội việc làm và cơ hội thăng tiến của học viên.

Để đánh giá về hiệu quả đào tạo và chất lượng đầu ra đối với sinh viên theo từng hệ đào tạo, tác giả tiến hành xem xét tỷ lệ phân loại tốt nghiệp theo hệ đào tạo, giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2014 (Bảng 2) cho thấy: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại giỏi của hình thức đào tạo vừa làm vừa học là rất ít, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá bình quân chung chỉ đạt 4,21%, tỷ lệ sinh viên đạt lại trung bình khá đạt tương đối cao là 67,47%. Tuy nhiên một số hệ đào tạo có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá cao hơn nhiều so với tỷ lệ bình quân chung như hệ đại học liên thông từ trình độ cao đẳng và hệ đại học văn bằng 2. Một lần nữa khẳng định hệ đào tạo liên thông và hệ đại học văn bằng 2 với thời gian đào tạo ngắn (từ 2 đến 3 năm) vừa có tỷ lệ sinh viên bỏ học thấp vừa có tỷ lệ sinh viên đạt loại khá và trung bình khá rất cao so với hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học và hệ đại học liên thông từ trình độ trung cấp (Hình 1).

Như vậy, có thể nhận định rằng trình độ ban đầu (xuất phát điểm) của người học có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập toàn khóa của sinh viên. Đối với hệ đại học liên thông từ cao đẳng thì đối tượng người học là những người đã tốt nghiệp cao đẳng, còn đối với hệ đại học văn bằng 2 thì đối tượng người học là những người đã tốt nghiệp đại học, cả hai đối tượng người học này đều có xuất phát điểm cao hơn so với hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học (những người tốt nghiệp trung học phổ thông, bổ túc trung học). Hơn nữa, tổng số học phần tính điểm trung bình học tập của hệ đại học liên thông từ cao đẳng lên đại học và hệ đại học văn bằng 2 ít hơn rất nhiều so với các hệ đào tạo còn lại, các học phần của hai hệ đào tạo này

**Bảng 1: Biến động về số lượng sinh viên hệ đào tạo đại học vừa làm vừa học giai đoạn 2010 - 2014 của trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

TT	Hệ đào tạo	Tỷ lệ SV cuối khóa so với sv trúng tuyển	Tỷ lệ SV đủ điều kiện thi tốt nghiệp so với sv cuối khóa	Tỷ lệ SV tốt nghiệp lần đầu so với sv đủ điều kiện thi TN	Tỷ lệ SV TN lần đầu so với sv trúng tuyển
1	Đại học dài hạn vừa làm vừa học	62%	88%	99%	54%
2	Đại học liên thông từ TC lên ĐH	86%	95%	99%	81%
3	Đại học liên thông từ CĐ lên ĐH	92%	95%	100%	88%
4	Đại học văn bằng 2	66%	93%	99%	60%

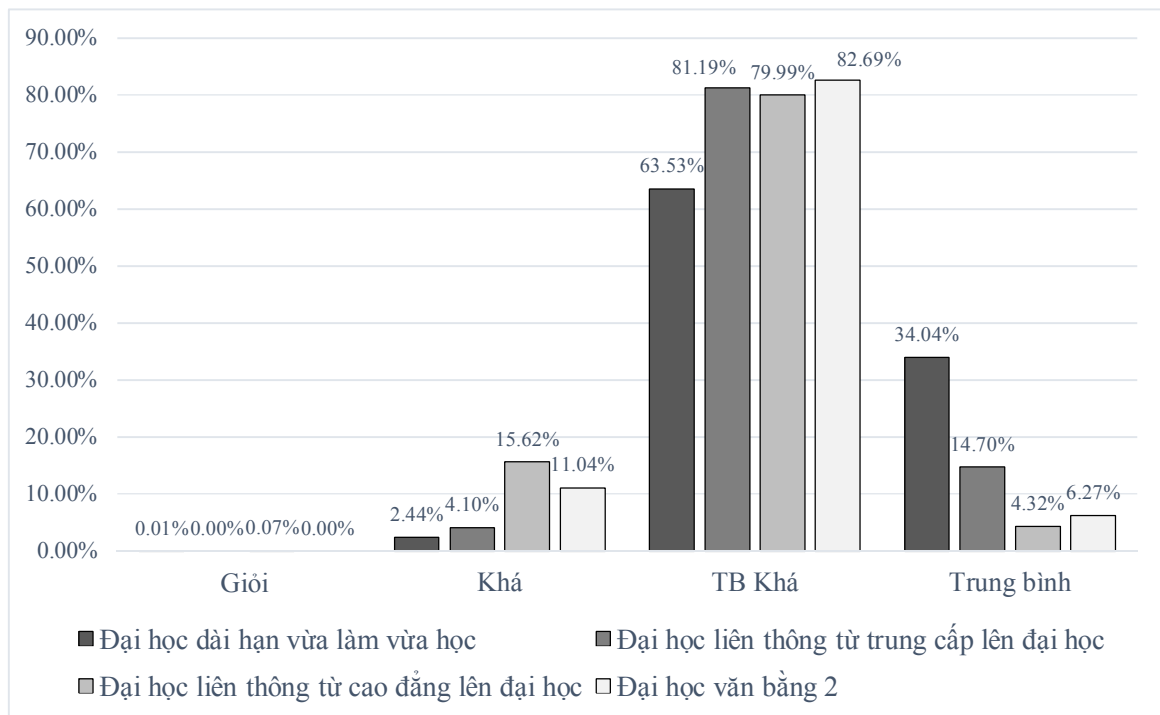
Nguồn: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2015)

**Bảng 2: Phân loại tốt nghiệp lần đầu theo hệ đào tạo vừa làm vừa học từ năm 2010 đến năm 2014**

TT	Hệ đào tạo	Tỷ lệ SV đạt loại Giỏi	Tỷ lệ SV đạt loại Khá	Tỷ lệ SV đạt loại Trung bình khá	Tỷ lệ SV đạt loại Trung bình
1	Đại học dài hạn vừa làm vừa học	0.01%	2.44%	63.53%	34.04%
2	Đại học liên thông từ TC lên ĐH	0.00%	4.10%	81.19%	14.70%
3	Đại học liên thông từ CĐ lên ĐH	0.07%	15.62%	79.99%	4.32%
4	Đại học văn bằng 2	0.00%	11.04%	82.69%	6.27%
	<b>Bình quân chung</b>	0.01%	4.21%	67.47%	28.31%

Nguồn: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2015)

**Hình 1: Tỷ lệ phân loại tốt nghiệp lần đầu theo hệ đào tạo vừa làm vừa học từ năm 2010 đến năm 2014**



Nguồn: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2015)

chủ yếu tập trung vào khối kiến thức chuyên ngành và mang tính thực hành cao, phù hợp với đối tượng người học đã có việc làm ổn định tại các cơ quan, doanh nghiệp cần bổ sung kiến thức để giải quyết công việc thực tế tại nơi họ đang làm việc.

Để đánh giá sự đồng đều về kết quả học tập toàn khóa tác giả xem xét tỷ lệ phân loại tốt nghiệp theo ngành đào tạo (Bảng 3) cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá và trung bình khá không đồng đều giữa các ngành đào tạo. Riêng 3 ngành đào tạo có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá rất cao từ 9 cho đến 13% đó là các ngành: Kinh tế, Luật học và Hệ thống thông tin.

### 3. Những vấn đề bất cập trong đào tạo vừa làm vừa học hiện nay

#### 3.1. Tổng thời gian đào tạo hệ đại học dài hạn

#### *vừa làm vừa học quá dài và cứng nhắc không cuốn hút được người học*

Việc áp dụng hình thức đào tạo niên chế cho hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học với thời gian từ 4,5 năm đến 5 năm là khoảng thời gian quá dài, hầu hết các lớp đại học dài hạn vừa làm vừa học được tổ chức vào các buổi tối và ngày nghỉ hàng tuần khiến cho nhiều người không thể tham gia đầy đủ vì các lý do như đi công tác dài ngày, ốm đau bệnh tật, đối với những học viên nữ còn do nghỉ thai sản. Với thời gian liên tục trong 4,5 năm vừa phải hoàn thành công việc tại cơ quan và gia đình và phải tham gia học ngoài giờ đã làm cho nhiều người mệt mỏi, chán nản và không thể tiếp tục theo học. Một số người khi thay đổi cơ quan công tác đã không được cử đi học hoặc không có lớp học gần nơi làm việc nên

**Bảng 3: Phân loại tốt nghiệp theo ngành đào tạo giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2014**

TT	Ngành đào tạo	Tỷ lệ sinh viên đạt loại Giỏi	Tỷ lệ sinh viên đạt loại Khá	Tỷ lệ sinh viên đạt loại Trung bình khá	Tỷ lệ sinh viên đạt loại Trung bình
1	Ngành kinh tế	0.05%	9.16%	84.30%	6.49%
2	Ngành Quản trị Kinh doanh	0.00%	2.99%	60.35%	36.66%
3	Ngành Tài chính - Ngân hàng	0.03%	4.78%	63.62%	31.57%
4	Ngành Kế toán - Kiểm toán	0.01%	3.40%	67.41%	29.18%
5	Ngành Hệ thống thông tin	0.00%	13.79%	62.07%	24.14%
6	Ngành Luật học	0.00%	9.20%	83.96%	6.84%
	<b>Bình quân chung</b>	0.01%	4.21%	67.47%	28.31%

*Nguồn: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2015)*

đành bỏ học. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho tỷ lệ sinh viên cuối khóa so với sinh viên trúng tuyển của hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học chỉ đạt khoảng 62%.

Khung chương trình đào tạo hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học được áp dụng tương đương như hệ đại học chính quy nên có rất nhiều học phần thực sự quá khó cho đối tượng người học theo hình thức vừa làm vừa học vì thời gian dành cho việc học bị chia sẻ cho việc cơ quan và việc gia đình nên kết quả học tập các học phần này rất thấp. Nhiều người đã phải học lại nhiều lần mới có thể đạt yêu cầu, dẫn đến tình trạng học viên chán nản, bỏ học hoặc không thể đủ điều kiện thi tốt nghiệp cuối khóa do còn nợ học phần và ảnh hưởng rất lớn đến phân loại tốt nghiệp khi ra trường, vì vậy, đối với hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá chỉ là 2,44%.

### **3.2. Tổng số học phần tính điểm trung bình toàn khóa ảnh hưởng lớn đến kết quả phân loại tốt nghiệp của sinh viên khi ra trường**

Có thể nói chương trình đào tạo đại học liên thông từ trình độ cao đẳng và hệ đại học văn bằng 2 có tính linh hoạt cao hơn rất nhiều so với chương trình đào tạo đại học dài hạn vừa làm vừa học truyền thống vì thời gian đào tạo hợp lý, phù hợp với nhiều đối tượng người học đã thực sự thu hút được người học. Hơn nữa, học viên được bảo lưu kết quả những học phần tương đương với khung chương trình đại học đã được tích lũy ở chương trình độ cao đẳng hoặc đại học đã làm giảm đi gánh nặng học tập cho người học. Các học phần (môn học) thuộc chủ yếu tập trung vào khối kiến thức nghiệp vụ và theo hướng thực hành nên không có những học phần mang nặng lý thuyết như hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học.

Công thức tính điểm để phân loại tốt nghiệp với

mẫu số là tổng số đơn vị học trình của chương trình đào tạo toàn khóa vì vậy, với tổng số học phần ít đã ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả học tập toàn khóa của sinh viên nên tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá của hệ đại học liên thông từ trình độ cao đẳng và hệ đại học văn bằng 2 là rất cao (Bảng 2).

### **3.3. Trình độ ban đầu (xuất phát điểm) của người học có ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập toàn khóa của sinh viên**

Trình độ ban đầu là xuất phát điểm quan trọng để người học có khả năng tiếp thu những kiến thức giảng dạy các học phần và đạt được kết quả tốt trong quá trình học tập, kiểm tra và thi. Theo như phân tích ở mục 2, đối tượng người học là những người đã tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng của hai hệ đào tạo đại học liên thông từ trình độ cao đẳng và đại học văn bằng 2 là những người có trình độ ban đầu cao hơn rất nhiều so với những người chỉ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bổ túc trung học. Hai đối tượng người học này là những đối tượng thực sự đúng với bản chất của đào tạo đại học vừa làm vừa học là dành cho những người đã có gia đình và việc làm ổn định cần bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt hơn công việc tại cơ quan, doanh nghiệp mà họ đang làm việc. Vì vậy, kết quả học tập toàn khóa của hai hệ này cao hơn nhiều so với các hệ còn lại (Nguyễn Thế Hệ, 2011).

### **3.4. Cách thức ra đề thi và tổ chức thi của một số ngành đào tạo cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập toàn khóa**

Hiện nay, một số ngành đào tạo như ngành kinh tế; ngành luật học; ngành hệ thống thông tin chủ yếu ra đề thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm khách quan, hoặc dưới dạng bài tập về nhà và được phép sử dụng tài liệu tham khảo như văn bản pháp quy, nên kết quả học tập toàn khóa của các ngành này cao hơn nhiều so với các ngành có tổ

chức thi tự luận (thi viết tại lớp) với nhiều bài tập phải tính toán số liệu như ngành quản trị kinh doanh, tài chính - ngân hàng, kế toán kiểm toán. Vì vậy, kết quả phân loại tốt nghiệp của ngành kinh tế, luật học và hệ thống thông tin cao hơn rất nhiều so với các ngành còn lại (Bảng 3).

#### **4. Một số khuyến nghị**

##### **4.1. Đổi mới khung chương trình đào tạo**

Khung chương trình đại học dài hạn vừa làm vừa học vẫn còn quá nhiều học phần, mang nặng lý thuyết, không giúp ích cho việc giải quyết công việc thực tế. Theo tác giả Khung chương trình đào tạo hệ đại học dài hạn vừa làm vừa học cần phải đổi mới theo hướng thực hành, giảm bớt những học phần khối kiến thức giáo dục đại cương, tăng thêm khối kiến thức giáo dục chuyên ngành và bổ trợ chuyên ngành, thảo luận và giải quyết nhiều hơn những chuyên đề với tình huống thực tế phát sinh, giúp người học vận dụng kiến thức lý thuyết vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, từ đó giúp nâng cao tính sáng tạo cho người học. Việc đổi mới nội dung chương trình đào tạo cũng cần thực hiện thường xuyên vì để bổ sung được những kiến thức thực tế luôn thay đổi thì khung chương trình đào tạo cũng cần phải đổi mới (Nguyễn Văn Hoàng và Nguyễn Thị Hoài Thu, Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 211(II) 2015)).

##### **4.2. Đổi mới công tác tổ chức thi và ra đề thi theo hướng trắc nghiệm khách quan**

Hiện tại, việc tổ chức thi và ra đề thi theo hướng trắc nghiệm tại trường Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã được thực hiện cho một số học phần của khối kiến thức giáo dục đại cương, Tuy nhiên, cần tiếp tục thực hiện nhiều hơn nữa hình thức thi

trắc nghiệm đối với các học phần của khối kiến thức ngành và chuyên ngành. Có thể thực hiện trên giấy hoặc trên máy tính đảm bảo sự công bằng hơn cho người học, giảm bớt gánh nặng thi kết thúc học phần cho người học và rút ngắn thời gian công bố kết quả thi kết thúc học phần. Có thể thực hiện việc ra đề thi theo hướng một phần là trắc nghiệm, một phần là tự luận hoặc trắc nghiệm toàn bộ. Thực hiện được điều này, Nhà trường cùng với các khoa, bộ môn cần phải đầu tư nhiều nữa cho việc xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm.

##### **4.3. Nâng cao chất lượng thi tuyển sinh đầu vào đối với hệ đại học vừa làm vừa học**

Như đã phân tích tại phần nguyên nhân thì việc tuyển chọn được những sinh viên có trình độ ban đầu (xuất phát điểm) tốt trong khâu tuyển sinh là rất quan trọng vì với những người đã có nền tảng kiến thức cơ bản tốt thì việc tiếp thu những kiến thức về kinh tế và quản trị kinh doanh sẽ nhanh hơn và đạt được kết quả học tập cao hơn. Thực hiện tốt được khâu tuyển sinh cũng góp phần làm giảm tỷ lệ sinh viên bỏ học trong quá trình đào tạo. cũng sẽ giảm đi. Hơn nữa, trong khâu tuyển sinh cần hướng đến việc tuyển những đối tượng người học đúng với bản chất thực sự của của hình thức đào tạo vừa làm vừa học, tránh tuyển sinh bằng mọi cách làm mất đi bản chất thực sự của đào tạo vừa làm vừa học. Đối tượng người học phải là những người đã có gia đình và việc làm ổn định thì bản thân họ đã có những phẩm chất nhất định về đạo đức, lối sống và lập trường chính trị tư tưởng vững vàng hơn, tính tự giác trong học tập cũng cao hơn nên thích hợp hơn với hình thức đào tạo vừa làm vừa học. □

#### **Tài liệu tham khảo**

- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2015), *Số liệu thống kê Đào tạo Tại chức*. Khoa đại học Tại chức. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Hoàng và Nguyễn Thị Hoài Thu (2015), 'Xu hướng phát triển đào tạo đại học phi chính quy - nhìn từ quy mô tuyển sinh của Trường Đại học kinh tế quốc dân', *Tạp chí Kinh tế & phát triển*, số 211 (II), trang 123-128.
- Nguyễn Thế Hệ (2011), 'Giải pháp phát triển đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội đối với hình thức vừa làm vừa học khối ngành kinh tế ở Việt Nam', *Đề tài cấp bộ* Mã số B2008-06-90.

---

#### **Thông tin tác giả:**

\* **Nguyễn Văn Hoàng**, Thạc sỹ

- *Tổ chức tác giả công tác: Khoa đại học Tại chức, Trường Đại học Kinh tế quốc dân*

- *Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh*

- *Tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: tạp chí Kinh tế và phát triển*

- *Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: nvhoangtc@neu.edu.vn*